

CHÍNH PHỦ
Số: 89/2005/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết thi hành một số điều
của
Pháp lệnh Chống trợ cấp hàng hóa
nhập khẩu vào Việt Nam

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh số 22/2004/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 8 năm 2004 về chống
trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam (sau đây gọi là Pháp lệnh Chống trợ cấp) về Cơ quan điều tra chống trợ cấp, Hội đồng xử lý vụ việc chống trợ cấp; thủ tục, nội dung

điều tra để áp dụng và việc áp dụng biện pháp chống trợ cấp đối với hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam.

Điều 2. Tiếng nói và chữ viết trong quá trình giải quyết vụ việc chống trợ cấp

1. Tiếng nói và chữ viết dùng trong quá trình giải quyết vụ việc chống trợ cấp quy định tại Nghị định này là tiếng Việt. Các bên liên quan đến quá trình điều tra theo quy định tại Điều 11 của Pháp lệnh Chống trợ cấp (sau đây gọi là các bên liên quan) có quyền dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình, trong trường hợp này phải có phiên dịch.

2. Các thông tin, tài liệu không phải bằng tiếng Việt do các bên liên quan cung cấp phải được dịch ra tiếng Việt. Các bên liên quan phải bảo đảm tính trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được dịch thuật.

Điều 3. Chứng cứ

Chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ việc chống trợ cấp là những gì có thật được Cơ quan điều tra chống trợ cấp, Hội đồng xử lý vụ việc chống trợ cấp dùng làm căn cứ để xác định tình trạng trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam, tình trạng ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại đáng kể hoặc bị đe dọa gây thiệt đáng kể và mối quan hệ giữa việc trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam với thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước cũng như những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ việc chống trợ cấp.

Điều 4. Xác định khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam không đáng kể

Khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam được coi là không đáng kể khi:

1. Khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu từ một nước không vượt quá 3% tổng khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa tương tự nhập khẩu vào Việt Nam.

2. Tổng khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu từ nhiều nước đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này không vượt quá 7% tổng khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa tương tự nhập khẩu vào Việt Nam.

Điều 5. Xác định tỷ lệ chủ yếu trong tổng khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa tương tự được sản xuất ở trong nước

Khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa sản xuất chiếm từ 50% tổng khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa tương tự được sản xuất ở trong nước trở lên được coi là chiếm tỷ lệ chủ yếu trong tổng khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa tương tự được sản xuất ở trong nước.

Điều 6. Xác định mối quan hệ liên kết trực tiếp giữa các nhà sản xuất hàng hóa tương tự trong nước với tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp

1. Các nhà sản xuất hàng hóa tương tự được coi là có mối quan hệ liên kết trực tiếp với tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp trong các trường hợp sau đây:

- a) Bên này trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát bên kia;
- b) Tất cả đều trực tiếp hoặc gián tiếp bị kiểm soát bởi một bên thứ ba;
- c) Cùng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát bên thứ ba.

2. Một bên có thể bị coi là kiểm soát được một bên khác khi bên đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên khác nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh của bên khác đó.

Chương II

CƠ QUAN CHỐNG TRỢ CẤP, NGƯỜI TIẾN HÀNH GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC CHỐNG TRỢ CẤP, NGƯỜI THAM GIA QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC CHỐNG TRỢ CẤP

Mục 1

CƠ QUAN CHỐNG TRỢ CẤP, NGƯỜI TIẾN HÀNH GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC CHỐNG TRỢ CẤP

Điều 7. Cơ quan chống trợ cấp, Người tiến hành giải quyết vụ việc chống trợ cấp

1. Cơ quan chống trợ cấp gồm Cơ quan điều tra chống trợ cấp (sau đây gọi là Cơ quan điều tra) và Hội đồng xử lý vụ việc chống trợ cấp (sau đây gọi là Hội đồng xử lý).
2. Người tiến hành giải quyết vụ việc chống trợ cấp bao gồm:
 - a) Người đứng đầu Cơ quan điều tra;
 - b) Điều tra viên vụ việc chống trợ cấp (sau đây gọi là Điều tra viên);
 - c) Thành viên Hội đồng xử lý.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra

Khi tiến hành giải quyết vụ việc chống trợ cấp, Cơ quan điều tra có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Ban hành mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống trợ cấp và bản câu hỏi điều tra.
2. Thực hiện các nhiệm vụ điều tra để áp dụng biện pháp chống trợ cấp theo trình tự, thủ tục quy định tại Pháp lệnh Chống trợ cấp và Nghị định này.
3. Yêu cầu các bên liên quan cung cấp các thông tin cần thiết và các tài liệu có liên quan đến vụ việc chống trợ cấp.
4. Tổ chức phiên tham vấn với các bên liên quan.
5. Công bố kết luận sơ bộ về các nội dung liên quan đến quá trình điều tra.
6. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Thương mại xem xét, quyết định về việc áp dụng thuế chống trợ cấp tạm thời trong trường hợp cần thiết.
7. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Thương mại xem xét về việc chấp nhận, không chấp nhận hoặc đề nghị điều chỉnh nội dung cam kết trên cơ sở đề xuất tự nguyện của các nhà

sản xuất, xuất khẩu có liên quan theo quy định tại Điều 23 Pháp lệnh Chống trợ cấp.

8. Công bố kết luận cuối cùng về các nội dung liên quan đến quá trình điều tra.

9. Tiến hành rà soát việc áp dụng các biện pháp chống trợ cấp theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Người đứng đầu Cơ quan điều tra

1. Người đứng đầu Cơ quan điều tra do Bộ trưởng Bộ Thương mại bổ nhiệm, miễn nhiệm.

2. Người đứng đầu Cơ quan điều tra có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức, chỉ đạo Cơ quan điều tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 8 Nghị định này;

b) Phân công Điều tra viên điều tra vụ việc chống trợ cấp cụ thể;

c) Phân công Điều tra viên điều hành phiên tham vấn;

d) Giám sát các hoạt động điều tra của Điều tra viên;

đ) Quyết định mở phiên tham vấn;

e) Giữ bí mật thông tin được bảo mật theo quy định tại Điều 28 Nghị định này;

g) Trưng cầu giám định.

Điều 10. Điều tra viên

1. Tiêu chuẩn của Điều tra viên.

Người có đủ tiêu chuẩn sau đây có thể được bổ nhiệm làm Điều tra viên:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, khách quan;

b) Có trình độ cử nhân trở lên về lĩnh vực luật hoặc kinh tế, tài chính;

c) Có thời gian công tác thực tế ít nhất là 05 năm thuộc một trong các lĩnh vực quy định tại điểm b khoản này;

d) Được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ điều tra.

2. Điều tra viên do Bộ trưởng Bộ Thương mại bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của người đứng đầu Cơ quan điều tra.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Điều tra viên